

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-:-

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST

Ngày 17/8/2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân H- ơng.

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Hoàng Thị Thiệu

: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan

Cán bộ Tòa án nhân dân Quận H – Thành phố Hà Nội.

Đại diện VKSND Quận H tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thu H - Kiểm sát viên

Mà ngày 17/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 381/2017/TLST- HNGĐ ngày 18/5/2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 67/2017/QĐXX-ST ngày 01/7/2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Ph- ơng H, sinh năm: 198X

Nghề nghiệp: Phóng viên/Biên tập viên Trung tâm Truyền hình Thông tấn

HKTT: Số 40 ngõ 174 K N, phường TN, quận H, TP Hà Nội

Hiện trú tại: Số 28 ngõ 90 phố Y L, phường V T, quận H, Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Lê Vũ Tùng L, sinh năm: 197X

Nghề nghiệp: Kinh doanh

HKTT: Phòng 10, lầu 8 chung c- Horizon, ph- ờng T Đ, quận X, TP Hồ Chí Minh.

Hiện trú tại: Số 28 ngõ 90 phố YL, phường V T, H, Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 11 tháng 5 năm 2017, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn – Chị Trần Ph- ơng H trình bày:**

Chị và anh Lê Vũ Tùng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2009 tại ủy ban nhân dân ph- ờng TN, quận H, thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn chị ch- a kết hôn lần nào còn anh L đã có vợ và đã ly hôn. Anh chị lấy nhau trong hoàn cảnh không đ- ợc gia đình anh L ủng hộ và đồng ý. Lễ

c- ới không có sự tham dự của bố mẹ anh L, đại diện nhà trai chỉ có chú ruột của anh L hiện sinh sống tại Hà Nội đứng ra tổ chức. Vì không đồng ý nên nhiều lần mẹ anh L gọi điện cho những ng- ời trong gia đình chị mắng nhiếc và có những lời khó nghe. Nh- ng vì th- ơng con nên bố mẹ chị vẫn đồng ý cho chị lấy anh L và cho hai vợ chồng ở cùng bố mẹ chị tại địa chỉ số 28 ngõ 90 phố YL, phường VT, H, Hà Nội từ sau khi c- ới cho đến nay.

Một năm sau vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ít chia sẻ và không có tiếng nói chung. Anh L đang làm việc tại công ty ổn định về giờ giấc thì chuyển sang công ty t- nhân. Từ đó anh th- ờng xuyên đi công tác xa nhà, nếu ở Hà Nội thì giờ giấc cũng không ổn định, về nhà th- ờng vào nửa đêm và nhiều lần trong tình trạng say. Chính bởi thế vợ chồng ít có điều kiện nói chuyện, chia sẻ và gần gũi nhau. Khi đó chị đã từng nghĩ đến vấn đề ly hôn để giải thoát cho cả hai, đã nhiều lần chị viết đơn nh- ng rồi vì th- ơng con còn nhỏ, phần vì bố mẹ chị khuyên và động viên nên chị đã cố gắng hàn gắn và nói chuyện với anh L, anh L cũng nhiều lần hứa hẹn sẽ thay đổi và cải thiện giờ giấc sinh hoạt cho phù hợp với gia đình. Nh- ng anh L vẫn không thay đổi, khi chị mang thai cháu thứ hai, anh L th- ờng xuyên không có nhà, anh vẫn về nhà khi tối muộn hoặc nửa đêm về sáng vào giai đoạn đó chị th- ờng xuyên mất ngủ không ăn đ- ợc nh- ng không đ- ợc sự quan tâm chăm sóc của anh L nên chị đã bị trầm cảm, ảnh h- ưởng tâm lý, nh- ng vì con chị đã cố gắng v- ợt qua. Sau khi sinh con thứ hai (năm 2012) vợ chồng anh chị ly thân từ đó cho đến nay, tuy sống chung một nhà nh- ng mỗi ng- ời sống riêng một phòng, mỗi ngày chỉ gặp nhau khi đi làm hoặc trao đổi điện thoại khi thì thoảng anh L muốn đón con.

Từ năm 2013 đến nay chị đã nhiều lần đến Tòa án để mua đơn xin ly hôn, nh- ng do th- ơng con và cũng do gia đình khuyên răn mặt khác anh L gây khó khăn không đồng ý ly hôn nên chị ch- a thể nộp đơn ra toà. Đến nay, sau nhiều mâu thuẫn phát sinh, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng tuy sống chung một nhà nh- ng không gặp mặt, không giao tiếp, không có sự chia sẻ và trao đổi về mọi việc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị cố nguyện vọng xin đ- ợc ly hôn anh L

- Về con chung: Chị và anh L có hai con chung là Lê Trần Thục A, sinh ngày 15/6/201X; Lê Trần Khánh C, sinh ngày 12/12/201X, hiện nay sức khỏe của hai cháu bình thường. Chị có nguyện vọng đ- ợc nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh L cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng để nuôi cả hai con.

Theo chị từ sau khi chị sinh con thứ hai anh L th- ờng xuyên vắng nhà, nên thời gian gần gũi và chăm sóc con rất ít, cha con ít khi nói chuyện, đi chơi cùng nhau nên tình cảm cũng vì thế mà không gắn bó. Đến khi các con đi học, tháng nào anh L làm đ- ợc tiền thì anh đóng tiền học cho con, nếu không thì thôi. Tiền học, sinh hoạt trong gia đình đều do một mình chị xoay sở trang trải. Mọi việc chăm sóc, dạy dỗ hai con đều do một mình chị gánh vác cùng sự giúp đỡ hỗ trợ của bà ngoại. Hiện nay chị đang sinh sống ổn định trong nhà của bố mẹ chị, có công việc ổn định chị hiện là Phóng viên/Biên tập viên hợp đồng không xác định thời hạn của Trung tâm Truyền hình T - Thông tấn xã VN với mức thu nhập khoảng 10- 13 triệu đồng/tháng. Ngoài ra chị còn là cộng tác viên phát triển truyền thông của Công ty cổ phần xây dựng và phát triển Nhà số 7 Hà Nội với mức l- ơng là

7.000.000đ/tháng. Với mức thu nhập đó chị hoàn toàn có thể lo cho hai con cuộc sống ổn định và phát triển tốt. Hơn nữa hai cháu là con gái, quá trình phát triển tâm sinh lý rất cần đến sự quan tâm chia sẻ của ng-ời mẹ. Hơn nữa hai cháu còn đ-ợc bà ngoại chăm nom săn sóc.

- **Về tài sản chung:** Chị và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nhà ở chung:** Chị và anh L không có nhà ở chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ:** Chị và anh L không vay nợ chung ai và không cho ai vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những vấn đề nêu trên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

*** Theo bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn – anh Lê Vũ Tùng L trình bày:**

Anh và chị Trần Ph-ơng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Tr-ớc khi đăng ký kết hôn anh đã kết hôn một lần và đã ly hôn và chị H ch- a từng kết hôn và tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2009 tại ủy ban nhân dân ph-òng TH, quận H, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại 28 ngõ 90 phố YL, phường VT, Hai Bà Tr- ng, Hà Nội cho đến nay. Anh chị kết hôn gia đình anh không đồng ý chị H.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không cụ thể nh-ng cũng có phần từ hai phía. Do công việc và tính rộng rãi nên anh thỉnh thoảng về muộn, nh-ng anh không hề có quan hệ nam nữ và rất yêu th-ơng vợ con. Anh biết những hạn chế của anh, tuy nhiên anh vẫn ch- a thể sửa đổi đ-ợc ngay. Anh khẳng định tình cảm của anh vẫn còn với chị H và rất yêu th-ơng các con, không thể để các con của anh chị lớn lên thiệt thòi thiếu tình cảm của cha mẹ. Anh đã một lần ly hôn và làm khổ một đứa con nên không muốn làm khổ hai đứa con gái. Anh cũng xác định từ năm 2014 anh chị sống gần nh- ly thân tuy sống chung một nhà nh-ng mỗi ng-ời một phòng. Anh không đồng ý ly hôn, anh mong chị H suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ.

- **Về con chung:** Anh chị có hai con chung là Lê Trần Thực A, sinh ngày 15/6/201X; Lê Trần Khánh C, sinh ngày 12/12/201X, hiện nay sức khỏe của hai cháu bình thường. Anh không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến gì về con, anh sẽ trình bày tại phiên tòa nguyên vọng về con và mức thu nhập anh sẽ cung cấp tại phiên tòa.

- **Về tài sản chung:** Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nhà ở chung:** Anh và chị H không có nhà ở chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ:** Anh và chị H không vay nợ chung ai và không cho ai vay nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những vấn đề nêu trên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

* *Đại diện tổ dân phố 6C Ph- ờng VT, Quận H, Hà Nội cung cấp:* Quá trình sống tại địa phương anh L và chị H tổ dân phố không thấy vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ra bên ngoài vì anh chị là ng- ời có học thức. Tuy nhiên mẹ đẻ chị H là bà Hà có trình bày: Anh L và chị H chung sống với nhau không hạnh phúc do anh L không quan tâm đến gia đình, th- ờng xuyên về muộn và có hôm say r- ợu. Anh chị đã sống ly thân, mỗi ng- ời một phòng không ai quan tâm đến ai, không ăn uống sinh hoạt cùng nhau. Gia đình đã khuyên bảo nh- ng anh L không thay đổi. Nay chị H xin ly hôn anh L, tổ dân phố mong Tòa án hòa giải để anh chị được đoàn tụ. Nếu không hòa giải được tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã gặp gỡ và trao đổi với bà Nguyễn Ph- ơng H - mẹ đẻ của chị H để tham khảo.

* Bà Nguyễn Ph- ơng H cho biết: Chị H và anh L kết hôn năm 2009, tr- ớc khi kết hôn với chị H anh L đã kết hôn và đã ly hôn, còn chị H kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau bình th- ờng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng căng thẳng. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, vợ chồng không chia sẻ đ- ợc với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình đã nhiều lần góp ý cho anh L và chị H nh- ng anh L không thay đổi và không nhận ra lỗi của mình, vẫn th- ờng xuyên về muộn và say r- ợu, không quan tâm đến vợ con. Anh chị đã sống ly thân từ lâu, mỗi ng- ời ở một phòng không ai quan tâm đến ai, kinh tế độc lập. Việc chị H xin ly hôn anh L bà đã biết và không mong muốn anh chị ly hôn, nh- ng anh L không thay đổi cách sống thì bà nghĩ anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì cuộc sống chung không còn hạnh phúc cuộc sống hôn nhân không đạt đ- ợc.

Hiện nay anh chị và hai cháu đang ở nhờ nhà của bà. Nếu anh chị ly hôn bà đồng ý để chị H và hai con ở tại đó lâu dài, vì hiện nay bà đã ở chỗ khác. Bà đề nghị Tòa án xem xét để chị H đ- ợc nuôi cả hai con vì chị H có chỗ ở ổn định và cả hai cháu đều là con gái.

*** Tại phiên toà**

Chị H vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trước đây tại các buổi làm việc ở Tòa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị và anh L đã sống ly thân và chị xin ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Anh L xác định vẫn còn tình cảm với chị H, mặc dù anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H có nguyện vọng đ- ợc nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh Lâm cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng để nuôi cả hai con.

Anh L đồng ý để chị H đ- ợc trực tiếp nuôi d- ỡng và chăm sóc cả hai con, anh đồng ý cấp d- ỡng nuôi hai con là 5.000.000đ/tháng, mỗi cháu là 2.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chị H và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nhà ở chung: Chị H và anh L cùng xác định không có nhà ở chung và cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị H và anh L không vay nợ chung ai và không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Tr- ng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà T là đúng thẩm quyền, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các trình tự, thủ tục tố tụng pháp luật quy định.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị H và anh L cùng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, năm 2013 chị H đã nhiều lần mua đơn xin ly hôn tại Tòa án nh- ng vì th- ơng con nên chị lại thôi, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh L không muốn ly hôn nh- ng không có biện pháp cải thiện gì về mâu thuẫn giữa anh L và chị H. Nh- vậy, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã kéo dài, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc. Do đó, chị H xin ly hôn là có căn cứ. Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H đ- ợc ly hôn đối với anh L.

Về con chung: Tại phiên toà chị H và anh L đã thỏa thuận được với nhau về con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị H đ- ợc trực tiếp chăm sóc và nuôi d- ỡng cả hai con chung là Lê Trần Thục A và Lê Trần Khánh C. Anh L đóng góp tiền nuôi hai con là 5.000.000đ/tháng, mỗi cháu là 2.500.000đ/tháng từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi hai con chung tr- ởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản: Chị H và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nhà ở chung: Chị H và anh L cùng xác định không có nhà ở chung và cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị H và anh L cùng xác nhận không vay nợ chung ai và không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định :

Chị Trần Ph- ơng H và anh Lê Vũ Tùng L lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2009 tại ủy ban nhân dân ph- ờng TN, quận H, TP Hà Nội. Trước khi kết hôn chị ch- a kết hôn lần nào còn anh L đã có vợ và đã ly hôn, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau một năm chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, ít chia sẻ và không có tiếng nói chung. Anh L th- ờng xuyên đi công tác xa nhà, giờ giấc không ổn định, về nhà th- ờng vào nửa đêm và nhiều lần trong tình trạng say. Chính bởi thế vợ chồng ít có điều kiện nói chuyện, chia sẻ và gần gũi nhau. Chị H đã nhiều lần

góp ý nh-ng anh L vẫn không thay đổi. Sau khi sinh con thứ hai (năm 2012) vợ chồng anh chị ly thân từ đó cho đến nay, tuy sống chung một nhà nh-ng mỗi ng- ời sống riêng một phòng, mỗi ngày chỉ gặp nhau khi đi làm hoặc trao đổi điện thoại khi thì thoải mái anh L muốn đón con.

Từ năm 2013 đến nay chị H đã nhiều lần đến Tòa án để mua đơn xin ly hôn, nh-ng do th- ờng con và cũng do gia đình khuyên răn mặt khác anh L gây khó khăn không đồng ý ly hôn nên chị ch- a thể nộp đơn ra tòa. Đến nay, sau nhiều mâu thuẫn phát sinh, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng tuy sống chung một nhà nh-ng không gặp mặt, không giao tiếp, không có sự chia sẻ và trao đổi về mọi việc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị có nguyện vọng xin đ- ợc ly hôn anh L.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án anh L xác nhận quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không cụ thể nh-ng cũng có phần từ hai phía. Do công việc và tính rộng rãi nên anh thỉnh thoảng về muộn, nh-ng anh không hề có quan hệ nam nữ và rất yêu th- ờng vợ con. Anh biết những hạn chế của anh, tuy nhiên anh vẫn ch- a thể sửa đổi đ- ợc ngay. Anh khẳng định tình cảm của anh vẫn còn với chị H và rất yêu th- ờng các con, không thể để các con của anh chị lớn lên thiệt thòi thiếu tình cảm của cha mẹ. Anh đã một lần ly hôn và làm khổ một đứa con nên không muốn làm khổ hai đứa con gái. Anh cũng xác định từ năm 2014 anh chị sống gần nh- ly thân tuy sống chung một nhà nh-ng mỗi ng- ời một phòng. Anh không đồng ý ly hôn, anh mong chị H suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ.

Thực tế anh chị đã không có giải pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng, mâu thuẫn kéo dài, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không cụ thể nh-ng cũng có phần từ hai phía. Anh L cũng xác định từ năm 2014 anh chị sống gần nh- ly thân tuy sống chung một nhà nh-ng mỗi ng- ời một phòng, kinh tế riêng biệt, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn kéo dài nh-ng cả hai anh chị đã không cùng nhau bàn bạc tìm ph- ơng án giải quyết, không tìm đ- ợc tiếng nói chung, bản thân anh L xác định nh- vậy nh-ng cũng không cố gắng để vợ chồng hàn gắn và đoàn tụ, vợ chồng vẫn sống ly thân. Nh- vậy, thể hiện tình nghĩa vợ chồng không còn.

Chính quyền nơi chị H và anh L sinh sống cho biết: Mẹ đẻ của chị H là bà H có trình bày với tổ dân phố: Anh L và chị H chung sống với nhau không hạnh phúc do anh L không quan tâm đến gia đình, th- ờng xuyên về muộn và có hôm say r- ợu. Anh chị đã sống ly thân, mỗi ng- ời một phòng không ai quan tâm đến ai, không ăn uống sinh hoạt cùng nhau. Gia đình đã khuyên bảo nh-ng anh L không thay đổi.

Tòa án đã gặp gỡ và trao đổi với bà Nguyễn Ph- ơng H - mẹ đẻ của chị H để tham khảo. Bà H cho biết: Khi anh chị mâu thuẫn gia đình đã nhiều lần góp ý cho anh L và chị H nh-ng anh L không thay đổi và không nhận ra lỗi của mình, vẫn th- ờng xuyên về muộn và say r- ợu, không quan tâm đến vợ con. Anh chị đã sống ly thân từ lâu, mỗi ng- ời ở một phòng không ai quan tâm đến ai, kinh tế độc lập. Việc chị H xin ly hôn anh L bà đã biết và không mong muốn anh chị ly hôn, nh-ng anh L không thay đổi cách sống thì bà nghĩ anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, vợ chồng không còn yêu th-ơng chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp xây dựng một gia đình hạnh phúc vững bền, chị H xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với điều 51, điều 53 và điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh L.

Về con chung: Xác nhận chị H và anh L có hai con chung là Lê Trần Thục A, sinh ngày 15/6/201X; Lê Trần Khánh C, sinh ngày 12/12/201X, hiện nay sức khỏe của hai cháu bình thường.

Anh chị thỏa thuận giao cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi d-ỡng cả hai con chung là Lê Trần Thục A và Lê Trần Khánh C. Anh L đóng góp tiền nuôi hai con là 5.000.000đ/tháng, mỗi cháu là 2.500.000đ/tháng từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi hai con chung tr-ởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Anh L có quyền thăm nom và chăm sóc con chung không ai đ-ợc ngăn cản.

Về tài sản chung: Chị H và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nhà ở chung: Chị H và anh L cùng xác định không có nhà ở chung và cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị H và anh L cùng xác nhận không vay nợ chung ai và không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những vấn đề nêu trên, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị H phải chịu án phí theo qui định của Pháp luật.

Các đ-ơng sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015).

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ điều 35, 39 khoản 4 điều 147, điều 203, điều 205, điều 220, điều 271, điều 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 khoản 1 mục II danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

Xử :

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Ph-ơng H đối với anh Lê Vũ Tùng L. Chị H đ-ợc ly hôn anh L.

- **Về con chung:** Chị H và anh Lâm có hai con chung là Lê Trần Thục A, sinh ngày 15/6/201X; Lê Trần Khánh C, sinh ngày 12/12/201X.

Giao cho chị H đ- ọc trực tiếp chăm sóc và nuôi d- ỡng cả hai con chung là Lê Trần Thục A và Lê Trần Khánh C. Anh L đóng góp tiền nuôi hai con là 5.000.000đ/tháng, mỗi cháu là 2.500.000đ/tháng từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi hai con chung tr- ởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Anh L có quyền thăm nom và chăm sóc con chung không ai đ- ọc ngăn cản.

-Về tài sản chung: Chị H và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nhà ở chung: Chị H và anh L cùng xác định không có nhà ở chung và cùng không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Về công nợ chung: Chị H và anh L cùng xác nhận không vay nợ chung ai và không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những vấn đề nêu trên, anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đ- ọc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai số 02688 ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H– Hà Nội.

Anh L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp d- ỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị H và anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện Kiểm sát nhân dân quận H có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn một tháng kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự
- Viện kiểm sát Quận H
- Thi hành án Quận H
- L- u HS

Trần Xuân H- ơng